TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 9- 2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Thu

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1989 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T N, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: ấp 3 B A, xã N Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T N, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Nguyễn Anh T chung sống với nhau vào năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn. Anh chị có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012, hiện nay chị L đang nuôi dưỡng, anh chị không có tài sản và nợ chung. Quá trình chung sống anh T không lo làm ăn, chỉ ăn chơi, uống rượu về chưởi mắn chị khiến gia đình bất hòa, không hạnh phúc, chị cố gắng chung sống với anh T để nuôi con nhưng anh T không thay đổi và anh chị đã ly thân nhau gần 03 năm nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Anh T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày*:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung như chị L trình bày nêu trên là đúng, về nguyên nhân mâu thuẩn chị L trình bày anh không lo làm ăn và ăn chơi là chưa đúng. Nay chị L xin được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị L. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ không có, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2018, biết được*: Chị L và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cuộc sống vợ chồng của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẩn do cuộc sống gia đình túng thiếu về kinh tế, anh chị có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị T Q đang chung sống với chị L.

** Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh T. Về con, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Anh T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án: Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu,

chứng cứ, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa đầy đủ là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị L và anh T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T Y cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẩn, dẫn đến chị L và anh T ly thân nhau nên mâu thuẩn giữa vợ chồng anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn với anh T; về con chung, anh chị có được 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012. Từ khi anh chị ly thân đến nay chị L nuôi dưỡng đã thích nghi với cuộc sống hiện tại và con của anh chị là con gái nên cần sự chăm nom, chăm sóc của mẹ khi phát triển tâm sinh lý, thấy yêu cầu được nuôi con của chị L phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị cho chị L nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chị L không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị L yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Anh T, tranh chấp về nuôi con. Khi chị L khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết và hiện nay bị đơn anh T, cư trú tại ấp T N, xã T Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt đến lần

thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai chị L không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị L và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Uỷ ban nhân dân xã T Y là nơi cư trú của các của anh chị)* và đươc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 quyển số 01/2012 ngày 28/3/2012, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh T, thời gian chung sống anh chị không hòa hợp dẫn đến cự cải với nhau tuy anh chị cố gắng nhẫn nhịn chung sống để nuôi con nhưng không duy trì được hạnh phúc nên anh chị đã ly thân nhau là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng và anh chị không thể hàn gắn với nhau được cho nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh T thì anh T không đồng ý ly hôn với chị L, tại phiên tòa chị L cương quyết xin ly hôn với anh T. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L và đề nghị Kiểm sát viên, cho chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung, chị L và anh T có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012, hiện nay chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình yêu thương của cha, mẹ dành cho con. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Thấy rằng, anh chị đều có điều kiện để nuôi dưỡng con là như nhau, trong khi con chung của anh, chị còn nhỏ là con gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ khi con của anh chị phát triển tâm sinh lý. Đồng thời, chị L đã trực tiếp nuôi dưỡng con nên con của anh chị đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, nếu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của con anh chị. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và đề nghị của Kiểm sát viên, giao con của anh chị tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Về tài sản và nợ chung không có, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Thị T Q, sinh ngày 21/8/2012 cho chị Huỳnh Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản và nợ chung: Không có, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005537 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện An Biên. Chị Huỳnh Thị L nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/9/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã T Y;
- Lưu: HSVA,VP (Thảo).

Võ Thanh Huyến